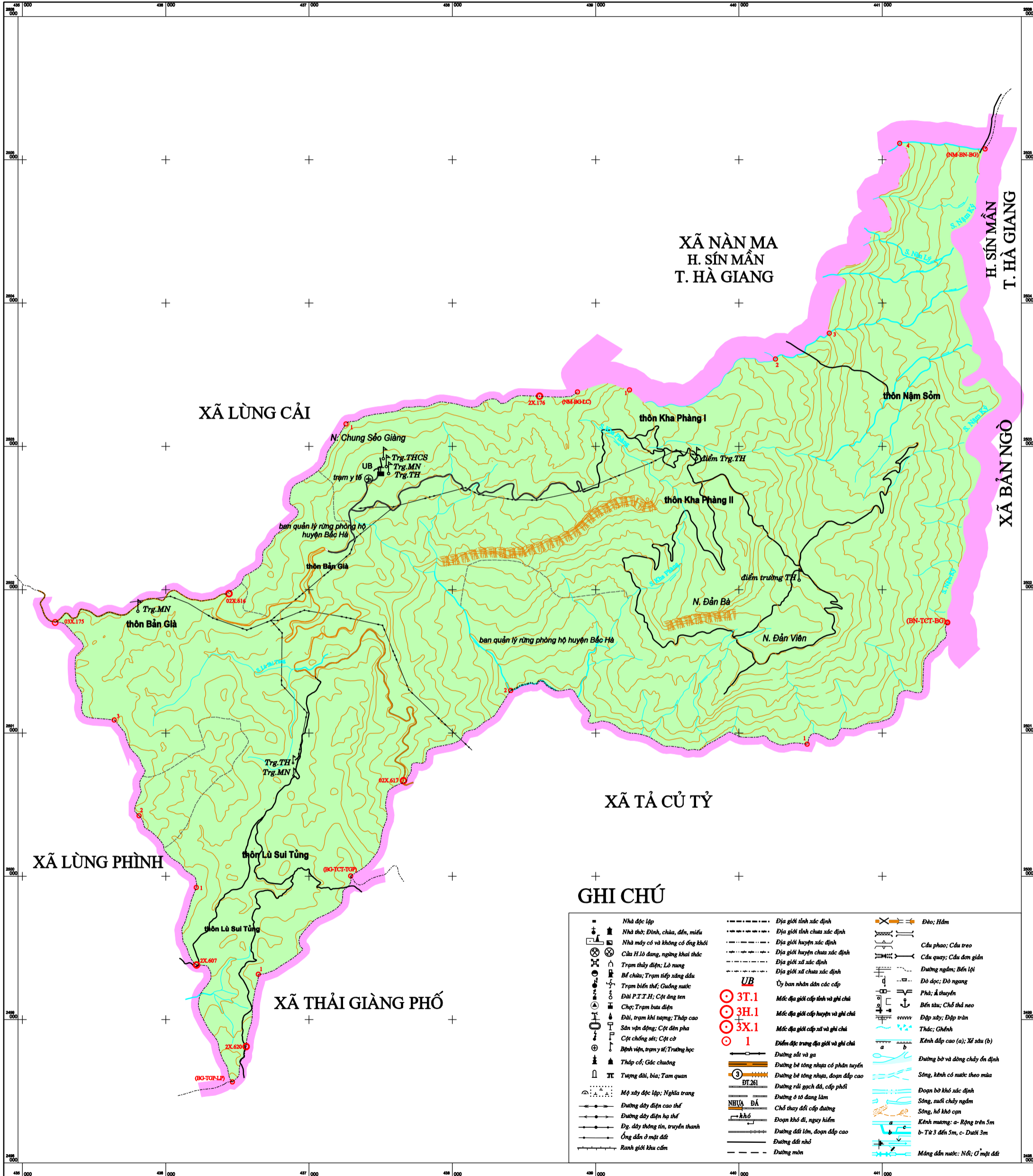


BẢN ĐỒ HIỆN TRẠNG ĐỊA GIỚI HÀNH CHÍNH

XÃ BẢN GIÀ - HUYỆN BẮC HÀ



GHI CHÚ

	Nhà độc lập		Địa giới tỉnh xác định		Đèo; Hầm
	Nhà thờ; Đình, chùa, đền, miếu		Địa giới tỉnh chưa xác định		Cầu phao; Cầu treo
	Nhà máy có và không có ống khói		Địa giới huyện xác định		Cầu quay; Cầu đơn giản
	Cửa H. lò đang, ngừng khai thác		Địa giới huyện chưa xác định		Đường ngầm; Bến lợp
	Trạm thủy điện; Lò nung		Địa giới xã xác định		Đò dọc; Đò ngang
	Bể chứa; Trạm tiếp xăng dầu		Địa giới xã chưa xác định		Phà; Ẩ thuyền
	Trạm biến thế; Guồng nước		Địa giới xã chưa xác định		Bến tàu; Chỗ thả neo
	Đài P.T.T.H; Cột ăng ten		Ủy ban nhân dân các cấp		Đập xây; Đập tràn
	Chợ; Trạm bưu điện		Mức địa giới cấp tỉnh và ghi chú		Thác; Ghềnh
	Đài, trạm khí tượng; Tháp cao		Mức địa giới cấp huyện và ghi chú		Kênh đắp cao (a); Xẻ sâu (b)
	Sân vận động; Cột đèn pha		Mức địa giới cấp xã và ghi chú		Đường bờ và dòng chảy ổn định
	Cột chống sét; Cột cờ		Điểm đặc trưng địa giới và ghi chú		Sông, kênh có nước theo mùa
	Bệnh viện, trạm y tế; Trường học		Đường đất và ga		Đoạn bờ khô xác định
	Tháp cổ; Góc chuông		Đường bê tông nhựa có phân tuyến		Sông, suối chảy ngầm
	Tượng đài, bia; Tam quan		Đường bê tông nhựa, đoạn đắp cao		Sông, hồ khô cạn
	Mộ xây độc lập; Nghĩa trang		Đường rải gạch đá, cấp phối		Kênh mương: a- Rộng trên 5m b- Từ 3 đến 5m, c- Dưới 3m
	Đường dây điện cao thế		Đường ô tô đang làm		Máng dẫn nước: Nối; Ở mặt đất
	Đường dây điện hạ thế		Chỗ thay đổi cấp đường		
	Đg. dây thông tin, truyền thanh		Đoạn khó đi, nguy hiểm		
	Ống dẫn ở mặt đất		Đường đất lớn, đoạn đắp cao		
	Ranh giới khu cấm		Đường đất nhỏ		
			Đường mòn		

TỈ LỆ 1:25000